TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2019/DS-PT
Ngày: 17-7-2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản; đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo

Bà Thái Thị Huyền Trân

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 105/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019; về việc tranh chấp "Hợp đồng hợp đồng vay tài sản; đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện CP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2019/QĐPT-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ Th, sinh năm 1964; (Có mặt)

Cư trú: Tổ 06, ấp BT 1, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966; (Có mặt)

2.2. Bà Lê Thị Thùy H, sinh năm 1968; (Vắng mặt)

Cùng cư trú: Số 599, ấp Bình Thành, xã Bình Mỹ, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966 tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2019 (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thanh M, sinh năm 1964; cư trú: Tổ 06, ấp BT 1, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M là bà Nguyễn Thị Lê Th, sinh năm 1964 tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 30/3/2018 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ Th trình bày: Khoảng giữa tháng 12/2014 (al), bà có cho bà H mượn số tiền 20.000.000đồng để trả tiền cho nhân công làm lò gạch, hẹn 01 tháng trả, không tính lãi suất. Ngày 06/7/2015 (al), cho bà H mượn thêm 10.000.000đồng để trả tiền mua trấu, hẹn ngày 15/7/2015 (al) trả lại, không tính lãi suất. Ngày 20/7/2015, bà có đứng ra chơi hụi giùm cho bà H dây hụi 5.000.000đồng, có 24 phần, mỗi tháng khui một lần, chủ hụi là bà Võ Thị N, bà bỏ hụi 1.200.000đồng hốt đầu với số tiền là 84.900.000đồng (đã trừ huê hồng 2.500.000đồng), bà giao đủ số tiền này cho bà H, sau đó bà H có gửi tiền cho bà chầu hụi được 07 lần với số tiền là 35.000.000đồng, còn lại 16 lần bà H không gửi tiền cho bà chầu hụi, do bà là người trực tiếp tham gia hụi với bà N nên bà đã chầu đến ngày mãn hụi cho bà N (hụi này đã mãn ngày 20/6/2017). Do đó, dây hụi này bà H còn nợ bà số tiền 80.000.000đồng (16 lần x 5.000.000đồng).

Ngày 10/12/2015, bà cũng chơi hụi giùm cho bà H dây hụi 3.000.000đồng, gồm 25 phần, mỗi tháng khui một lần, chủ hụi cũng là bà N, bà bỏ hụi 750.000đồng hốt đầu với số tiền 52.500.000đồng (đã trừ huê hồng 1.500.000đồng), bà đã giao đủ số tiền này cho bà H, sau đó bà H có gửi tiền cho bà chầu hụi được 10 lần với số tiền là 30.000.000đồng, còn lại 14 lần bà H không gửi tiền cho bà chầu hụi, do bà là người trực tiếp tham gia hụi với bà N nên bà đã chầu đến ngày mãn hụi cho bà N (hụi này đã mãn ngày 10/12/2017). Do đó, dây hụi này bà H còn nợ bà số tiền 42.000.000đồng (14 lần x 3.000.000đồng). Bà đã nhiều lần gặp bà H yêu cầu trả nợ nhưng bà H không trả, bà có nhờ Ban ấp BT 1, xã BTĐ hòa giải, bà H chỉ nhận còn nợ 79.000.000đồng, bà không đồng ý. Bà yêu cầu bà H liên đới với ông L (chồng bà H) trả tổng số nợ là 152.000.000đồng, trong đó gồm tiền vay 02 lần là 30.000.000đồng, tiền hụi 02 dây hụi bà đã chầu thay cho bà H, ông L là 122.000.000đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Thùy H trình bày: Ông bà có vay 02 lần tiền của bà Th tổng cộng là 30.000.000đồng; 01 lần 20.000.000đồng, sau khi hốt hụi bà Th đã tự trừ số tiền này vào tiền hốt hụi; 01 lần 10.000.000đ nhưng đã trừ vào tiền ông M (chồng bà Th) thuê đất còn thiếu, nên tiền vay ông bà không còn nợ bà Th, cả 02 lần vay tiền bà Th giao tiền cho ông L trực tiếp nhận. Về tiền hụi, ông bà có nhờ bà Th chơi giùm 02 dây hụi như bà Th trình bày. Dây hụi 5.000.000đồng bà Th hốt giùm lần khui hụi đầu và có giao cho ông bà số tiền hốt hụi là 88.700.000đồng (đã trừ huê hồng 2.500.000đồng), sau đó ông bà có gửi tiền cho bà Th chầu hụi chết được 16 lần với số tiền 65.000.000đồng, còn thiếu lại 11 lần chưa chầu với số tiền là 55.000.000đồng (hụi này đã mãn ngày 20/6/2017). Dây hụi 3.000.000đồng, bà Th hốt giùm lần khui hụi đầu và có giao tiền cho ông bà số tiền hốt hụi là 52.000.000đồng, sau đó ông bà có gửi tiền cho bà Th chầu hụi chết được 16 lần là 48.000.000đồng,

còn thiếu lại 08 lần chưa chầu với số tiền là 24.000.000đ (hụi này đã mãn tháng 6/2017). Như vậy, ông bà thừa nhận còn nợ bà Th số tiền bà Th đã chầu hụi giùm 02 dây hụi là 79.000.000đồng. Nay gia đình đang gặp khó khăn, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng, xin lãi suất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh M trình bày: Ông và bà Th là vợ chồng, việc vợ ông kiện vợ chồng ông L, bà H tiền vay, tiền chầu hụi giùm ông không có ý kiến, do Tòa xem xét quyết định. Riêng đối với số tiền vay 10.000.000đồng, vợ ông giao cho ông L trực tiếp nhận và ông L xác nhận có vay số tiền này, nhưng ông L cho rằng số tiền vay 10.000.000đồng đã trừ vào tiền mà ông đã thuê đất của ông L còn thiếu là hoàn toàn không có, xin Tòa xem xét.

Lời khai của người làm chứng bà Võ Thị N (Hai Nh) trình bày: Tháng 7 và tháng 12/2015 (al), bà Th có thương lượng với bà ra cho bà Th 02 dây hụi gồm: dây hụi 5.000.000đồng, khởi khui tháng 7/2015 (al) có 24 phần, bà Th hốt đầu với số tiền 84.900.000đồng, dây hụi này đã mãn và bà Th đã chầu hụi chết đầy đủ cho bà. Dây hụi 3.000.000đồng, khởi khui tháng 12/2015, có 25 phần, bà Th hốt đầu với số tiền 52.000.000đồng, dây hụi này đã mãn và bà Th đã chầu hụi chết đầy đủ cho bà. Bà Th là người trực tiếp chơi hụi và đã thực hiện nghĩa vụ chầu hụi đầy đủ cho bà nên bà không có ý kiến, bà không biết việc vay mượn giữa bà Th và bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 14/02/2019 của Toà án nhân dân huyện CP đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ Th yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Thùy H có trách nhiệm liên đới trả số tiền hụi.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Thùy H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lệ Th số tiền 122.000.000đồng *(Một trăm hai mươi hai triệu đồng)*.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc yêu cầu ông L, bà H liên đới trả số tiền vay 30.000.000đồng.

Bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 18/3/2019, ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không đồng ý việc án sơ thẩm buộc ông bà trả cho bà Nguyễn Thị Lệ Th số tiền 122.000.000đồng, ông L bà H chỉ nợ bà Th 79.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Phần tranh luận:

Nguyên đơn: Bị đơn khai không đúng số lần đóng hụi chết, nên không đồng ý số tiền còn thiếu 79.000.000đồng mà bị đơn khai nại;

Bị đơn tranh luận: Yêu cầu xem xét chỉ còn thiếu số tiền 79.000.000đồng, mong Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật; Bà H kháng cáo nhưng không đóng tạm ứng án phí nên không xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên cho thấy cấp sơ thẩm buộc ông L, bà H liên đới trả cho bà Th số tiền 122.000.000đồng là có căn cứ; ông L kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ y án sơ thẩm; ông L chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Lê Thị Thùy H được cấp sơ thẩm ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nhưng bà H không thực hiện nộp tiền thì được coi từ bỏ việc kháng cáo theo điểm c khoản 4 Điều 274 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử không xem xét theo thủ tục phúc thẩm; Đối với ông Nguyễn Văn L nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự đều có mặt đầy đủ và kiểm tra đúng đương sự được triệu tập trong vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L thì thấy, đối với số tiền vay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 30.000.000đồng, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút yêu cầu phần này, nên cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện tiền vay 30.000.000đồng là đúng pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với tiền nguyên đơn kiện đòi 122.000.000đồng tiền chơi hụi giùm bà H, ông L thì thấy:

[3.1] Đối với dây hụi 5.000.000đồng/tháng có 24 hụi viên tham gia do bà Võ Thị N làm chủ hụi dây hụi này bỏ 1.200.000đồng; ngay lần đầu bà Th hốt được 87.400.000đồng sau khi trừ huê hồng 2.500.000đồng còn lại 84.900.000đồng bà Th có đưa cho bà H; bà H thống nhất dây hụi này và thừa nhận có nhận tiền từ bà Th đưa 88.700.000đồng. Nhưng căn cứ vào hụi viên và số tiền bỏ để hốt hụi và lời khai của chủ hụi bà N thì số tiền thực hốt được là 84.900.000đồng, còn bà H khai bà Th giao bà đến 88.700.000đồng là có lợi cho bà H; theo bà Th khai do bà H chỉ đóng hụi chết cho bà Th được 7 lần, còn 16 lần không đóng tương đương số tiền 80,000.000đồng, nên dây hụi này bà Th yêu cầu bà H, ông L trả 80.000.000đồng.

Xét thấy, hai bên thống nhất số tiền chơi hụi, số hụi viên tham gia. Tuy nhiên, lời khai của bà H có mâu thuẫn không trùng khớp nhau. Bởi vì, dây hụi này hốt lần đầu thì hụi chết chỉ còn lại là 23 phần, trong khi bà H khai 24 lần là không đúng; số tiền thực nhận là 84.900.000đồng (sau khi trừ hoa hồng), nhưng bà H khai nhận 88.700.000đồng là không phù hợp; trong khi lời khai của bà Th hoàn phù hợp với lời khai bà N làm chủ hụi; bà N cùng xác nhận dây hụi này đã hết và bà có đưa tiền cho bà Th hốt lần đầu là 84.900.000đồng, bà Th cũng đã chầu đầy đủ số tiền hụi chết cho bà N. Ông L kháng cáo cho rằng bà Th còn thiếu 11 lần chưa đóng tương đương số tiền 55.000.000đồng, nhưng không được bà Th thừa nhận, ông L không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3.2] Đối với dây hụi 3.000.000đồng/tháng, có 25 hụi viên; bỏ hụi lần đầu 750.000đồng, nên bà Th hốt giùm cho bà H, ông L số tiền 54.000.000đồng, trừ huê hồng 1.500.000đồng; còn lại đưa bà H, ông L 52.500.000đồng; việc giao nhận tiền được các đương sự thừa nhận; chỉ tranh chấp số lần chầu hụi chết. Theo bà Th khai bà H chỉ đóng hụi chết có 10 lần; còn nợ lại 14 lần chưa đóng tương đương số tiền 42.000.000đồng, nên dây hụi này bà Th yêu cầu bà H, ông L trả 42.000.000đồng.

Xét thấy, hai bên thống nhất số tiền chơi hụi, số hụi viên tham gia, bà Th hốt giùm và có đưa cho vợ chồng bà H, ông L số tiền 52.500.000đồng; chỉ tranh chấp số tiền chầu hụi chết. Bà Th khai bà H chỉ đưa tiền đóng hụi chết có 10 lần, còn nợ 14 lần hụi chết không đóng, tương đương số tiền 42.000.000đồng; còn bà H cho rằng đưa tiền đóng hụi chết cho bà Th được 16 lần, nên chỉ còn nợ tiền hụi chết 08 tương đương số tiền 24.000.000đồng.

Lời khai của bà Th hoàn phù hợp với lời khai bà N làm chủ hụi; bà N cùng xác nhận dây hụi này đã hết và bà có đưa tiền cho bà Th hốt lần đầu là 52.500.000đồng (trừ hoa hồng 1.500.000đồng) bà Th cũng đã chầu đầy đủ số tiền hụi chết cho bà N, việc bà H, ông L kháng cáo cho rằng còn thiếu 08 lần chưa đóng tương đương số tiền 24.000.000đồng, nhưng không được bà Th thừa nhận, ông L không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3.3] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông L cho rằng chỉ còn nợ bà Th số tiền 79.000.000đồng là chưa có cơ sở để xem xét. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L giữ y án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Ông L, bà H có làm đơn kháng cáo, cấp sơ thẩm ra thông báo cho bà H và ông L đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, ông L có đóng tiền tạm ứng án phí. Riêng bà H có nhận được thông báo, nhưng không đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, thì được coi từ bỏ việc kháng cáo; Cấp sơ thẩm thông báo về việc kháng cáo có tên bà H kháng cáo là không đúng theo điểm c khoản 4 Điều 274 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[5] Tại phiên tòa bà Th khai sinh năm 1964, có cung cấp giấy chứng minh nhân dân số 351569237 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 08/7/2015; Trong

khi Bản án sơ thẩm phát hành ghi nhận bà Nguyễn Thị Lệ Th sinh năm 1969 là không chính xác; Cấp sơ thẩm không có Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm là có thiếu sót. Nên Bản án phúc thẩm điều chỉnh lại năm sinh của bà Nguyễn Thị Lệ Th là sinh năm 1964 cho chính xác, để đảm bảo việc thi hành án sau này.

Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm chung cho hai nội dung ở mục 4 và mục 5 của phần nhận định nêu trên.

[6] Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí phúc thẩm: Ông L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 164; Điều 166; Điều 288; Điều 357; Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 14/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện CP.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ Th về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Thùy H có trách nhiệm liên đới trả số tiền hụi.

2. Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Thùy H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lệ Th số tiền 122.000.000đồng *(Một trăm hai mươi hai triệu đồng)*.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc yêu cầu ông L, bà H liên đới trả số tiền vay 30.000.000đồng *(Ba mươi triệu đồng)*.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phỉ thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Thùy H phải chịu 6.100.000đồng *(Sáu triệu một trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Lệ Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.800.000đồng *(Ba triệu tám trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0017578 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông L phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001247 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CP.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện CP;
- THA huyện CP;
- Toà Dân sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn